

**Mẫu 01****GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÂY,  
CON GIỐNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 20 tháng 04 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI CHỢ</b>			Giá bán lẻ
1	Lúa Khang Dân	Loại 1	9.500	
2	Gạo Khang Dân	Loại 1	13.000	
3	Lúa bắc thơm	Loại 1	14.000	
4	Gạo bắc thơm	Loại 1	18.000	
5	Gạo J02	Loại 1	20.000	
6	Lúa BC15	Loại 1	12.000	
7	Gạo BC15	Loại 1	16.000	
8	Gạo Điện Biên	Loại 1	20.000	
9	Gạo tám Hải Hậu	Loại 1	21.000	
10	Gạo tám Thái	Loại 1	24.000	
11	Gạo nếp cái hoa vàng	Loại 1	35.000	
12	Gạo nếp cẩm	Loại 1	32.000	
13	Lúa nếp 97	Loại 1	19.500	
14	Gạo nếp 97	Loại 1	25.500	
15	Đậu tương	Loại 1	31.500	
16	Đậu xanh có vỏ	Loại 1	50.000	
17	Lạc nhân	Loại 1	70.000	
18	Đậu đen	Loại 1	55.000	
19	Ngô hạt	Loại 1	8.500	
<b>II</b>	<b>GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>			Giá bán lẻ
1	Đạm	Loại 1	17.000	
2	Lân	Loại 1	8.000	
3	Kali	Loại 1	14.000	
4	NPK	Loại 1	9.000	
<b>III</b>	<b>GIÁ CÁC MẶT HÀNG CÂY, CON GIỐNG</b>			Giá bán lẻ
	<b>Lúa giống</b>			
1	Giống lúa Thiên ưu 8	Loại 1	36.000	
2	Giống lúa Khang dân	Loại 1	25.000	
3	Giống lúa nếp 97	Loại 1	27.000	
4	Giống lúa Bắc Thơm số 7	Loại 1	25.000	
5	Giống lúa Bắc Thơm KBL	Loại 1	30.000	
6	TBR 225	Loại 1	45.000	
7	VNR20	Loại 1	40.000	
	<b>Giống cây ăn quả</b>		Không có	Giá bán lẻ



TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
	<b>Lợn giống</b>			
1	Lợn giống (7-8kg/con)	Loại 1	2.000.000	
	<b>Vịt giống</b>		Không có	
	<b>Ngan giống các loại</b>		Không có	
	<b>Gà giống các loại</b>			
1	Gà mía (1 ngày tuổi)	Loại 1	16.000	
2	Gà mía lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	19.000	
<b>IV</b>	<b>GIÁ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN</b>			
1	Cám cá các loại	Loại 1	542.000	
2	Cám gà các loại	Loại 1	372.000	
3	Cám lợn các loại	Loại 1	317.000	
4	Cám vịt các loại	Loại 1	277.000	
<b>V</b>	<b>GIÁ THUỐC THÚ Y</b>			
1	Vaccin Đậu gà ( Liều 1000)	Loại 1	210.000	
2	Vaccin Newcastle ( Liều 1000)	Loại 1	250.000	
3	Vacin 3 bệnh gà đẻ ( Liều 1000)	Loại 1	1.850.000	
4	Vaccin GumIBD ( Liều 1000)	Loại 1	210.000	
5	Vaccin sổ mũi truyền nhiễm ( Liều 1000)	Loại 1	995.000	

số  
 UN  
 )IC  
 JNG

Mẫu 02

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM  
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Ngày 20 tháng 4 năm 2025*

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
1	Thịt lợn hơi	Loại 1	65.000	Giá bán lẻ
2	Thịt lợn mỡ sấn	Loại 1	90.000	
3	Thịt lợn nạc thăn	Loại 1	105.000	
4	Thịt lợn ba chỉ	Loại 1	120.000	
5	Thịt bò than	Loại 1	255.000	
6	Thịt bò mỡ	Loại 1	240.000	
7	Gà ta hơi	Loại 1	110.000	Gà trống
8	Gà ta nguyên con làm sẵn	Loại 1	140.000	
9	Gà công nghiệp hơi	Loại 1	45.500	
10	Gà CN nguyên con làm sẵn	Loại 1	65.000	
11	Vịt hơi	Loại 1	40.000	
12	Vịt nguyên con làm sẵn	Loại 1	75.000	
13	Ngan hơi	Loại 1	50.000	
14	Ngan nguyên con làm sẵn	Loại 1	85.000	
15	Trứng gà ta (quả)	Loại 1	2.500	
16	Trứng gà Ai Cập (quả)	Loại 1	2.000	
17	Trứng chim cú (10 quả)	Loại 1	6.000	
18	Trứng vịt (quả)	Loại 1	2.500	
19	Cá chép > 2kg	Loại 1	70.000	
20	Cá trắm > 3 kg	Loại 1	60.000	
21	Cá quả	Loại 1	90.000	
22	Ngao	Loại 1	26.000	
23	Tôm đồng	Loại 1	180.000	
24	Cua đồng	Loại 1	150.000	

**Mẫu 03****GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ  
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI***Ngày 20 tháng 4 năm 2026**(ĐVT: đ/kg)*

<b>TT</b>	<b>Mặt hàng và quy cách</b>	<b>Loại</b>	<b>Giá tại chợ Sơn Tây</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Cam sành	Loại 1	22.000	Giá bán lẻ
2	Dưa hấu miền nam	Loại 1	15.000	
3	Chanh leo	Loại 1	35.000	
4	Chôm chôm	Loại 1	50.000	
5	Bơ	Loại 1	30.000	
6	Táo Mỹ	Loại 1	120.000	
7	Nho xanh	Loại 1	120.000	
8	Bưởi da xanh	Loại 1	50.000	
9	Thanh long ruột đỏ	Loại 1	35.000	
10	Quả Roi	Loại 1	40.000	
11	Xoài Cát chu	Loại 1	35.000	
12	Hồng Xiêm	Loại 1	30.000	
13	Nhãn miền Nam	Loại 1	35.000	
14	Vú sữa	Loại 1	40.000	
15	Khoai tây	Loại 1	18.000	
16	Bí xanh	Loại 1	10.000	
17	Rau bí	Loại 1	8.000	
18	Bắp cải	Loại 1	10.000	
19	Cà chua	Loại 1	10.000	
20	Đậu cove	Loại 1	15.000	
21	Quả su su	Loại 1	8.000	
22	Dưa chuột	Loại 1	15.000	
23	Rau dền	Loại 1	8.000	
24	Rau muống	Loại 1	8.000	
25	Cải ngọt	Loại 1	7.000	
26	Hoa hồng đỏ (bông)	Loại 1	4.000	
27	Hoa loa kèn (cành)	Loại 1	4.000	

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
28	Hoa cúc nhật (bông)	Loại 1	3.500	

**Người thu thập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đỗ Thu Lan**

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP**

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**Nguyễn Đăng Thọ**